Tiết 4

KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

I. KHÁI NIỆM VĂN HỌC DÂN GIAN

- Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm của nhân dân lao động về tự nhiên, xã hội nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.

II. ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN

1. Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng (Tính truyền miệng)

a. Văn học dân gian là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.

+ Được xây dựng bằng chất liệu ngôn từ nghệ thuật, giàu sắc thái biểu cảm.

b. Văn học dân gian tồn tại và phát triển theo:

+ Không gian (là sự di chuyển tác phẩm từ nơi này đến nơi khác)

+ Thời gian (là sự bảo lưu tác phẩm từ đời này qua đời khác).

c. Quá trình truyền miệng được thực hiện qua diễn xướng dân gian: nói, kể, hát, diễn.

d. Truyền miệng dẫn tới tính dị bản.

2. Văn học dân gian là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể. (Tính tập thể)

a. Tập thể: Theo nghĩa hẹp là một nhóm người, theo nghĩa rộng là một cộng đồng dân cư.

b. Quá trình sáng tác:

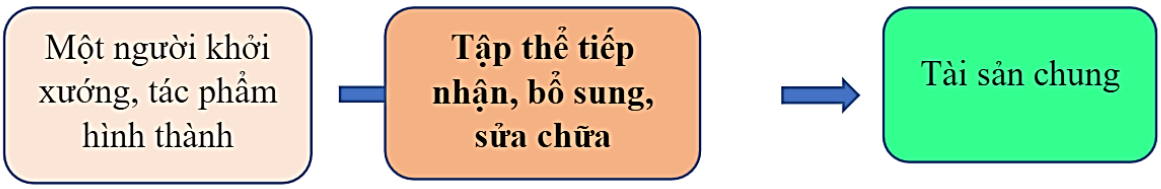

3. Văn học dân gian gắn bó với những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng (Tính thực hành).

+ Văn học dân gian gắn bó và phục vụ tực tiếp cho các sinh hoạt cộng đồng.

+ Sinh hoạt cộng đồng: những sinh hoạt chung của nhiều người như lao động tập thể, vui chơi ca hát,…

+ Tác phẩm văn học dân gian được ra đời, truyền tụng và phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt cộng đồng; các ngành nghề.

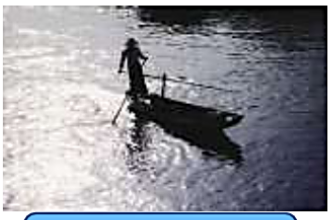

Hò chèo thuyền

Hò đánh cá

Bài ca đi cấy

III. HỆ THỐNG THỂ LOẠI VĂN HỌC DÂN GIAN.

1. Thần thoại: kể về các vị thần, nhằm giải thích tự nhiên, thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên và phản ánh quá trình sáng tạo văn hóa của con người thời cổ đại.

2. **Sử thi:** có quy mô lớn, ngôn ngữ có vần, nhịp, xây dựng hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng, kể về một hoặc nhiều biến cố lớn của cư dân cổ đại.
3. **Truyền thuyết**: kể về sự kiện và nhân vật lịch sử, xu hướng lí tưởng hóa, thể hiện sự ngưỡng mộ và tôn vinh đối với người có công với đất nước.
4. **Truyện cổ tích:** cốt truyện và hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường, tinh thần nhân đạo, lạc quan của người lao động.
5. **Truyện ngụ ngôn**: tác phẩm tự sự ngắn, kết cấu chặt chẽ thông qua các ẩn dụ (loài vật) để kể về sự việc liên quan đến con người, nêu triết lí nhân sinh, bài học cuộc sống.
6. **Truện cười:** tác phẩm tự sự ngắn, kết cấu chặt chẽ, kết thúc bất ngờ, kể về sự việc xấu, trái tự nhiên, gây cười, nhằm giải trí, phê phán.
7. **Tục ngữ:** câu nói ngắn gọn, hàm súc, có hình ảnh, vần, nhịp, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn, dùng trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày.
8. **Câu đố:** bài văn vần, câu nói có vần, mô tả vật đố bằng hình ảnh, hình tượng khác lạ để tìm lời giải, mục đích giải trí, rèn luyện tư duy, cung cấp tri thức về đời sống.
9. **Ca dao:** tác phẩm thơ trữ tình, kết hợp âm nhạc khi diễn xướng, diễn tả thế giới nội tâm của con người.
10. **Vè:** tác phẩm tự sự bằng văn vần, lối kể mộc mạc, nói về sự việc, sự kiện của làng, nước.
11. **Truyện thơ:** tác phẩm tự sự bằng thơ, phản ánh số phận và khát vọng của con người về hạnh phúc lứa đôi và sự công bằng xã hội.
12. **Chèo:** tác phẩm kịch hát, các yếu tố trữ tình, trào lộng, ca ngợi tấm gương đạo đức, phê phán, đả kích cái xấu.

IV. NHỮNG GIÁ TRỊ CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN.

1. **Văn học dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc.**
   + Cung cấp tri thức về tự nhiên, xã hội và con người.(**truyện cổ tích "Trầu cau**": *tục ăn trầu*).
   + Văn học dân gian ở các vùng dân tộc thiểu số, cung cấp tri thức về đời sống đồng bào nơi đó.(**Sử thi Đăm – Săn**: *tục nối dây*…)
   + Tri thức được trình bày bằng trình độ, quan điểm và nhận thức của nhân dân.
2. **Văn học dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lí làm người.**
   + Tinh thần nhân đạo, lạc quan (Truyện "Tấm Cám", "Cây tre trăm đốt"…)
   + hình thành phẩm chất tốt đẹp: lòng yêu nước, tinh thần bất khuất,…
3. **Văn học dân gian có giá trị thẩm mĩ to lớn, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng cho nền văn học dân tộc.**
   + Tư duy thẩm mĩ tiến bộ.
   + Mẫu mực nghệ thuật.
   + Nuôi dưỡng, cơ sở của văn học viết.

V. TỔNG KẾT (xem ghi nhớ sách giáo khoa)

VI. BÀI TẬP CỦNG CỐ:

Câu 1: Trong những câu sau câu nào nêu khái niệm đúng nhất về văn học dân gian?

A. Văn học dân gian là những sáng tác cá nhân, truyền miệng, lưu truyền trong nhân dân.
B. Văn học dân gian là những sáng tác tập thể, truyền miệng, lưu truyền trong nhân dân.
C. Văn học dân gian là những sáng tác tập thể, mang tính sáng tạo của cá nhân cao.
D. Văn học dân gian là những sáng tác tập thể, lưu truyền trong nhân dân, mang dấu ấn cá nhân.

Câu 2: Những tác phẩm sau, tác phẩm nào không phải là tác phẩm văn học dân gian?

A. Thánh Gióng
B. Truyện người con gái Nam Xương.
C. Cây tre trăm đốt.
D. Chuyện chàng Cóc

Câu 3: văn học dân gian được đánh giá như:

A. Bộ tiểu thuyết về cuộc sống.
B. Kho tàng triết lí về cuộc sống.
C. Sách giáo khoa về cuộc sống.
D. Pho kinh nghiệm về cuộc sống.

Câu 4: Đặc trưng nào sau đây **không phải** của văn học dân gian?

A. Tính truyền miệng
B. Tính tập thể
C. Tính thực hành
D. Tính địa phương

Câu 5: Điểm nào sau đây không phải là đặc trưng tiêu biểu của văn học dân gian?

A. Khi người trí thức sáng tác văn học dân gian thì sáng tác ấy trở thành tiếng nói riêng của người trí thức.
B. Văn học dân gian là sáng tác tập thể.
C. Văn học dân gian là sáng tác truyền miệng.
D. Văn học dân gian gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng.

Câu 6: Thể loại văn học kể lại các hiện tượng gây cười nhằm giải trí và phê phán những cái đáng cười trong cuộc sống, là thể loại nào?

A. Truyện cổ tích.
B. Truyện cười dân gian.
C. Truyện ngụ ngôn.
D. Truyện thơ dân gian.

Câu 7: Văn bản sau thuộc về thể loại nào?

"Bầu ơi, thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn".

A. Tục ngữ
B. Vè
C. Ca dao
D. Truyện thơ.

Câu 8: Văn học dân gian ra đời từ:

A. Từ thời kì xã hội công xã nguyên thủy.
B. Thời phong kiến khi phân chia giai cấp.
C. Ở thế kỉ X cùng lúc với văn học viết.
D. Từ Cách mạng tháng 8 – 1945.

Câu 9: Văn học dân gian truyền miệng bằng hình thức nào?

A. Diễn xướng.
B. Hát.
C. Kể.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 10: Tác phẩm tự sự có quy mô lớn, ngôn ngữ có vần, nhip, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng, kể về một hoặc nhiều biến cố lớn trong cộng đồng cư dân cổ đại là thể loại nào?

A. Thần thoại.
B. Truyền thuyết.
C. Sử thi.
D. Truyện cổ tích.

GV SOẠN: NGUYỄN THỊ KIM DUNG